TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 34/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 05-7-2018
V/v "Ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH ĐỒNG NAI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Nguyễn Quang Chung.
Ông Hoàng Danh Nghĩa.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T.

Đại diện VKSND huyện T, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hữu Huỳnh – Kiển sát viên.

Trong ngày 05/7/2018, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 75/2018/TLST- HNGĐ ngày 13 tháng 3 năm 2018 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 37/2018/QĐXX-ST ngày 14 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng Thiên B, sinh năm 1981.
Địa chỉ: ấp 1, xã T1, huyện T, tỉnh Đồng Nai
- Bị đơn: Chị Đinh Thị Ngọc Q, sinh năm 1985.
Địa chỉ: 56, ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Tại phiên tòa có mặt anh B, vắng mặt chị Q)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 12/3/2018, các lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ý kiến của nguyên đơn anh Nguyễn Hoàng Thiên B trình bày:

- Về quan hệ hôn nhận: Anh và chị Q tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn, được UBND xã T1, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/9/2011.

Vợ chồng chị sinh sống hạnh phúc đến năm 2013 thì xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do là do vợ chồng không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cự cãi, xung đột lẫn nhau, vợ chồng không còn yêu

thương chăm sóc lẫn nhau. Anh đã cố gắng tìm mọi biện pháp để hàn gắn hạnh phúc gia đình nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không thay đổi. Anh và chị Q đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được vì vậy anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Đinh Thị Ngọc Q.

- Về con chung: Anh và chị Q có 01 người con chung là Nguyễn Đinh Thiên Y – sinh ngày 24/10/2012. Khi ly hôn anh đồng ý giao cháu Y cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và anh không cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Lời khai tại bản tự khai ngày 29/3/2018 và tại biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 19/4/2018 bị đơn chị Q trình bày:

- Về quan hệ hôn nhận: Chị và anh B tự nguyện tiến tới hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn, được UBND xã T1, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/9/2011.

Vợ chồng chị sinh sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh B không có trách nhiệm với gia đình bỏ mặc chị và con, bên cạnh đó chị còn được biết anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác sống không chung thủy với chị. Chị và anh B đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh B làm đơn xin ly hôn với chị thì chị không đồng ý vì lý do chị theo đạo Thiên Chúa nên không được phép ly hôn với anh B.

- Về con chung: Chị và anh B có 01 người con chung là Nguyễn Đinh Thiên Y – sinh ngày 24/10/2012 khi ly hôn chị yêu cầu được nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho chị Q. Ngày 19/4/2018 chị Q đã tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị Q vẫn giữ nguyên ý kiến của mình không đồng ý ly hôn với anh B, cũng trong ngày 19/4/2018 chị Q đã có đơn xin vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như xét xử. Vì vậy, chị Q không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 22/5/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh B đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của anh B (Bản sao); 01 Sổ hộ khẩu (Bản sao); 01 giấy chứng nhận kết hôn (Bản sao); 01 giấy khai sinh (Bản sao), 01 đơn xin xác nhận hộ khẩu (bản chính). Bản sao các tài liệu, chứng cứ này bị đơn đã nhận được.

Để giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ sau: Biên bản ghi lời khai của người làm chứng ông Nguyễn Hoàng Chí, biên bản xác minh về tình trạng hôn nhân. Tòa án đã ra thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ cho các bên đương sự biết. Tòa án đã tiến hành phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải anh B không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên: Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều

227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự . Các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Về việc tuân theo pháp luật: Từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm trước khi nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị chấp nhận đơn yêu cầu ly hôn của anh B, cho anh B được ly hôn chị Q.

+ Về con chung: Anh B và chị Q có 01 người con chung là Nguyễn Đinh Thiên Y – sinh ngày 24/10/2012. Giao cháu Y cho chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và anh B không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung: Chị Q và anh B không có không yêu cầu giải quyết, vì vậy không xem xét.

+ Nợ chung: Anh B và chị Q không có không yêu cầu giải quyết, vì vậy không xem xét.

+ Về án phí: Anh B phải nộp 300.000đ án phí DSST về ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa anh B không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Anh B có đơn khởi kiện ly hôn , tranh chấp về việc nuôi con với chị Q. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" và xác định anh B là nguyên đơn, chị Q là bị đơn.

[1.2] Chị Q là bị đơn, có nơi cư trú tại ấp P, xã P1, huyện T, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thì Tòa án nhân dân huyện T có thẩm quyền thụ lý giải quyết vụ kiện.

[1.3] Chị Q có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Q theo quy định của pháp luật.

[2] Về áp dụng pháp luật nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhận thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị Q tự nguyện chung sống với nhau từ 2011 và có đăng ký kết hôn, được UBND xã T1, huyện T cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 23/9/2011. Như vậy, hôn nhân giữa anh B và chị Q được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nay anh B yêu cầu ly hôn, thì Tòa án áp dụng Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình để giải quyết.

Trên cơ sở lời khai của các đương sự, kết quả xác minh thực tế tại địa phương thể hiện: Anh B yêu cầu ly hôn với lý do, từ năm 2013 thì vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, nên thường xuyên xảy ra cự cãi và xung

đột lẫn nhau cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc. Anh và chị Q đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh không còn tình cảm, không thể tiếp tục chung sống và có nguyện vọng ly hôn.

Chị Q cũng cho rằng vợ chồng chị sinh sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do anh B không có trách nhiệm với gia đình bỏ mặc chị và con, bên cạnh đó chị còn được biết anh B có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác sống không chung thủy với chị. Chị và anh B đã sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay. Nay anh B làm đơn xin ly hôn với chị thì chị không đồng ý vì lý do chị theo đạo Thiên Chúa nên không được phép ly hôn với anh B.

Xét, anh B và chị Q hiện nay đã không còn sống chung với nhau, bản thân anh B và chị Q cũng không mong muốn hòa giải để vợ chồng cùng đoàn tụ sống chung, chị Q không đồng ý ly hôn với anh B vì lý do chị theo đạo Thiên chúa nên không được phép ly hôn.

Như vậy, có căn cứ xác định anh B và chị Q đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; vi phạm nghĩa vụ sống chung của vợ chồng được quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Để anh B, chị Q có điều kiện ổn định cuộc sống của mình, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp chận yêu cầu của anh B, cho anh B được ly hôn với chị Q.

[2.2] Về con chung: Anh B và chị Q có 01 người con chung là Nguyễn Đinh Thiên Y – sinh ngày 24/10/2012. Từ khi anh B và chị Q ly thân, thì cháu Y do chị Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị Q yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con, anh B cũng đồng ý giao con cho chị Q trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con. Từ các căn cứ trên, để đảm bảo quyền lợi cho các con, tránh sự xáo trộn đời sống tâm lý của con chung, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu Nguyễn Đinh Thiên Y – sinh ngày 24/10/2012 cho chị Q tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: Anh B và chị Q kê khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Anh B và chị Q kê khai không có, không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Anh B chịu án phí DSST về yêu cầu ly hôn.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 68, Điều 144, Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Hoàng Thiên B.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh nguyễn Hoàng Thiên B được ly hôn với chị Đinh Thị Ngọc Q.

- *Về con chung:* Giao cháu Nguyễn Đinh Thiên Y – sinh ngày 24/10/2012 cho chị Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời anh B không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh B được quyền qua lại thăm nom con chung không ai được ngăn cản. Vì quyền lợi của con chung anh B, chị Q có quyền xin thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không có, nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2/ *Về án phí:* Anh Nguyễn Hoàng Thiên B phải nộp 300.000 đồng. Số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh B đã nộp theo biên lai thu số 009103 ngày 13/3/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T được chuyển thành án phí.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Anh Nguyễn Hoàng Thiên B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính kể từ ngày tuyên án. Chị Đinh Thị Ngọc Q có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã T1 (để ghi vào sổ hộ tịch; số 62/2011, ngày 23/9/2011);
- Lưu HS – LT.

THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Nam

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**